

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2025/DS-ST**.

Ngày: 09/6/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

2. Bà **Phạm Hồng Gái**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:
Không.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 314/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông **Lê Văn Th**, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Kinh 2B, xã T, huyện T, tỉnh K.

**** Bị đơn:*** Ông **Lê Thanh T**, sinh năm 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã M, huyện H, tỉnh K.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1972 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Kinh 2B, xã T, huyện T, tỉnh K.

2. Bà **Trương Thị L (Trương Thị L)**, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã M, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn Th trình bày như sau:*

Vào tháng 12/2018, ông Lê Thanh T là chồng của em gái ông Lê Văn Th tên Trương Thị L (Trương Thị L) có đến nhà ông Th hỏi vay số tiền là 50.000.000 đồng, khi đó ông Th có đi vay Ngân hàng 110.000.000 đồng và cho ông T vay lại số tiền là 50.000.000 đồng, ông T có nói vay tiền để mua đất, lãi suất theo lãi suất Ngân hàng, khi vay thì ông T và bà L (L) vẫn còn chung sống với nhau chưa có mâu thuẫn gì, hai bên chưa làm biên nhận, sau đó ông Th và ông T có đến chỗ chủ đất hỏi mua thì người ta không bán nên không mua được đất, số tiền này ông T vẫn giữ không trả lại cho ông Th. Đến vào khoảng tháng 10/2019 thì vợ ông T có được bảo hiểm chi trả tiền bảo hiểm xã hội là 17.000.000 đồng thì ông T có đem đến ông Th cất giữ, nhưng sau đó khoảng 10 ngày thì ông T có đến kêu ông Th đưa lại cho ông T số tiền 17.000.000 đồng, lúc này ông Th thấy ông T lu bu tiền bạc nên để cho bảo đảm ông Th có kêu ông T viết tờ biên nhận vay tiền của ông Th số tiền là 50.000.000 đồng và ông T đồng ý và tự tay viết biên nhận nợ ngày 15/10/2019. Trong quá trình vay tiền thì ông T có trả lãi cho ông Th được 4 lần tổng cộng là 9.300.000 đồng để ông Th đóng lãi cho ngân hàng, còn số tiền gốc 50.000.000 đồng thì ông T và bà L (L) chưa trả cho ông Th.

Sau đó ông Th có tiến hành đòi nợ nhiều lần nhưng ông T và bà L (L) hứa hẹn trả nợ dần nhưng không thực hiện.

Nay ông Th yêu cầu ông Lê Thanh T và Trương Thị L (Trương Thị L) trả cho ông Th số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 15/10/2019 đến ngày 15/10/2024 là 60 tháng với lãi xuất 1,5%/tháng cụ thể như sau: 50.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 60 tháng = 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng). Tổng số tiền cả gốc và lãi là 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng). Ngoài ra, ông Th không yêu cầu gì thêm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Thanh T trình bày:*

Vào tháng 12/2018, ông Lê Thanh T và bà Trương Thị L (Trương Thị L) vẫn còn là vợ chồng và có bàn bạc vay tiền để mua một miếng đất, sau đó vợ chồng ông bà thống nhất là hỏi vay tiền của ông Lê Văn Th (là anh trai cùng cha khác mẹ với bà L), ông Th đồng ý cho vợ chồng ông T và bà L vay số tiền là 50.000.000 đồng, ông T biết ông Th vay tiền Ngân hàng để cho ông T và bà L vay nên khi vay thì ông T có đóng tiền lãi cho ông Th. Sau khi vay tiền thì ông Th có đi cùng ông T để đi mua đất nhưng chủ đất không bán nên không mua được đất, sau đó ông T tính trả tiền lại cho ông Th nhưng vợ ông T nói để coi lại đất khác để mua nên ông

T chưa trả cho ông Th, khi đó bà L có nói để bà L cất giữ vì nghĩ vợ chồng không có gì nên ông T cũng giao số tiền này cho bà L cất giữ, đến khoảng tháng 10/2019 thì vợ chồng ông T có đi lãnh tiền bảo hiểm của vợ ông T là 17.000.000 đồng và có gửi ông Th cất giữ tiền bảo hiểm dùm, sau đó bà L đi làm ở Bình Dương một thời gian thì bà L có kêu ông T đi lấy tiền 17.000.000 đồng về gửi cho bà L mua xe, ông T cũng đi lấy tiền gửi chỗ ông Th về gửi cho bà L mua xe, thời điểm này ông Th có kêu ông T làm tờ biên nhận tiền vay của ông Th, ông T có nói với bà L là ông Th kêu viết biên nhận số tiền 50.000.000 đồng, thì bà L nói cứ viết biên nhận cho ông Th nên ông T có viết từ biên nhận đề ngày 15/10/2019 cho ông Th, sau đó khoảng vài tháng thì bà L lấy tiền nuôi trai. Ông T có liên lạc bà L nhưng không liên lạc được, đến khoảng tháng 3 - 4/2024 thì ông T có nộp đơn ly hôn với bà L về giải quyết ly hôn thì bà L có nói là không về được, kêu anh Toàn yêu cầu Tòa giải quyết đơn phương cho ông T. Đồng thời, ông T xác nhận số tiền vay của ông Th là số tiền nợ chung của ông T với bà L khi còn sống chung, khi bà L bỏ đi và trốn nợ thì ông T cũng phải lo trả tiền nợ của bà L cho Quỹ tín dụng hết mỗi tháng trả hơn 3.000.000 đồng, hiện tại còn khoản nợ của bà L với Ngân hàng tín dụng với số tiền là 50.000.000 đồng nhưng ông T không có khả năng trả. Nay ông T xác nhận ông T và bà L có nợ ông Th tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

Quá trình vay tiền 50.000.000 đồng nêu trên ông T và bà L có giao cho ông Th, bà Dung số tiền 9.300.000 đồng để đóng lãi trong khoản thời gian từ tháng 12/2018 đến ngày 15/10/2019. Số tiền đóng lãi này ông T không yêu cầu tính lại lãi suất.

Nay ông Lê Văn Th yêu cầu ông T và bà L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Th và bà Dung số tiền vay gốc 50.000.000 đồng và lãi là 45.000.000 đồng thì ông T có ý kiến như sau:

- Ông T và bà L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Th và bà Dung tổng số tiền gốc và lãi nêu trên là 95.000.000 đồng (trong đó, nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi là 45.000.000 đồng).

- Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông T và bà L sẽ trả dần số tiền trả cho ông Th và bà Dung. Có bao nhiêu tiền sẽ trả bấy nhiêu.

- Ông T không yêu cầu tính lại lãi suất trong vụ án này. Bà L vẫn còn cư trú tại ấp Nguyễn Văn Hanh, xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Bà L biết rõ sự việc tranh chấp nhưng không tham gia giải quyết vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D trình bày như sau:* Bà Dung hoàn toàn thống nhất với ý kiến trình bày

của ông Lê Văn Th. Yêu cầu ông Lê Thanh T và Trương Thị L (Trương Thị L) trả cho ông Th số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 15/10/2019 đến ngày 15/10/2024 là 60 tháng với lãi xuất 1,5%/tháng cụ thể như sau: $50.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 60 \text{ tháng} = 45.000.000 \text{ đồng}$). Tổng số tiền là 95.000.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị L (Trương Thị L) trình bày như sau:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà L. Tuy nhiên bà L không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Tòa án không ghi nhận được lời khai của bà L trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Lê Văn Th với ông Lê Thanh T và Trương Thị L; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Thanh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị L (Trương Thị L) được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vắng mặt ông Lê Thanh T, bà Trần Thị D và bà Trương Thị L.

[3] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau: Vào tháng 12/2018 ông Lê Văn Th có cho ông Lê Thanh T và bà Trương Thị L vay số tiền 50.00.000 đồng, mục đích vay là để mua đất, lãi suất theo lãi suất Ngân hàng, không thoả thuận thời hạn trả nợ và có viết biên nhận đề ngày 15/10/2019. Quá trình vay ông Th đòi nợ ông T và Bà L nhiều lần nhưng không trả. Hiện ông T và bà L còn nợ ông Th tiền vay gốc là 50.000.000 đồng là đúng sự thật khách quan và được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th. Trong thời gian giải quyết vụ án ông Lê Văn Th yêu cầu ông Lê Thanh T và bà Trương Thị L số tiền nợ gốc

50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/10/2019 đến ngày 15/10/2024 là 60 tháng với số tiền là 45.00.000 đồng, tổng cả gốc và lãi là 95.000.000 đồng thì ông T cũng đồng ý trả. Riêng đối với bà Trương Thị L trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà L vẫn vắng nên không có lời khai. Hiện nay ông T và bà L đã ly hôn nhưng việc ông Lê Thanh T vay số tiền trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và bà L cũng biết, việc vay tiền này nhằm mục đích mua đất. Do đó, căn cứ Điều 27 luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng. Hội đồng xét thấy yêu cầu của ông Th buộc bà L có trách nhiệm liên đới với ông T trả các khoản nợ trên là phù hợp.

Xét về lãi suất: ông Lê Thanh T thừa nhận ông đóng lãi cho ông Lê Văn Th được 9.300.000 đồng thì ngưng không còn khả năng đóng lãi nữa và ông Th cũng đồng ý. Nay ông T không yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất đối với khoản này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông T không yêu cầu tính lại số tiền lãi mà ông đã đóng cho ông Th nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 15/10/2019 đến ngày 15/10/2024 là 60 tháng với lãi suất 1,5%/tháng cụ thể là .000.000 đồng x 1,5%/tháng x 60 tháng = 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và ông T cũng đồng ý trả. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét yêu cầu xin được trả dần của bị đơn ông Lê Thanh T. Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Văn Th không đồng ý yêu cầu xin trả dần của bị đơn. Căn cứ theo quy định tại mục 1, phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính thì Tòa án không tự ấn định thời hạn trả nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của ông Lê Thanh T.

Như vậy, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quả kết quả tranh tụng tại tòa án thể hiện yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

[4] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông Lê Thanh T và bà Trương Thị L phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho bà Son.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 37, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th. Buộc ông Lê Thanh T và bà Trương Thị L (Trương Thị L) phải liên đới trả cho ông Lê Văn Th số tiền vay còn nợ tổng cộng là 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí DSST: Ông Lê Thanh T và bà Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Lê Văn Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001344 ngày 02/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thanh Sang